TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 11 – ĐÀ NẴNG	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số 99/2026/QĐST-HNGĐ	*Đà Nẵng, ngày 02 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 62/2026/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T, Sinh năm 1995

CCCD: 049195012181, Cấp ngày 25/06/2021, Nơi cấp C06 Bộ C,

Nơi ĐKHKTT: thôn A, xã Q, thành phố Đà Nẵng.

Nơi ở hiện tại: thôn A, xã T, thành phố Đà Nẵng.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh L, Sinh năm 1992.

CCCD: 205619710;

Nơi ĐKHKTT: thôn A, xã Q, thành phố Đà Nẵng. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam A có trụ sở tại xã T, thành phố Đà Nẵng

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 219 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thanh L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Thanh L thống nhất vợ chồng thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung*:* Vợ chồng thỏa thuận giao cháu Nguyễn Trần Nhã H, sinh ngày 13/10/2017 cho bà Trần Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu cho đến khi cháu H trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho ông L do bà T không yêu cầu.

Ông Nguyễn Thanh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng thống nhất không yêu cầu Tòa giải quyết nên không đề cập.

Về án phí: Án phí kiện xin ly hôn số tiền 150.000 *(Một trăm năm mươi ngàn*) đồng bà Trần Thị T tự nguyện chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) bà T đã nộp theo biên lai thu số 0002133 ngày 10/03/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Hoàn trả cho bà T 150.000 *(Một trăm năm mươi ngàn*) đồng tiền chênh lệch án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tp Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 11, Tp.Đà Nẵng
- THADS tp Đà Nẵng;
- UBND xã Quế Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Nam Trung